

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2021
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Trần Thanh Long

2. ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Cum Anh, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1990

Cư trú tại: X ấp P, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ - Có mặt.

Bi đơn: ông Trần Quốc H, sinh năm 1993

Cư trú tại: ấp A, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: bà và ông Trần Quốc H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 13/5/2019. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc và có được 01 con chung là Trần Quốc A (nam) sinh ngày 03/9/2018 nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H không chăm lo làm ăn, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông H không thay đổi, do vậy bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Về con chung, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung.

Phía bị đơn – tại bản tự khai ngày 10/12/2020 ông Trần Quốc H trình bày:
ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, ông yêu cầu có thời gian để vợ chồng hàn gắn. Trường hợp bà T vẫn giữ yêu cầu ly hôn thì ông yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung đều không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Trần Quốc H xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 13/5/2019 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56/2019, do đó, hôn nhân của ông bà hợp pháp. Ngày 19/01/2020 bà T yêu cầu được ly hôn, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Giữa bà T và ông H tự nguyện tìm hiểu, xây dựng quan hệ hôn nhân, có thời gian chung sống hạnh phúc và có con chung nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo bà T trình bày là do ông H không chăm lo làm ăn, dù bà T đã khuyên can nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ tháng 01/2020 đến nay, đôi bên vẫn không thể hàn gắn; hiện ông H đang cai nghiện ma túy và vắng mặt tại phiên tòa, bà T vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn của ông H, bà T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung, bà T, ông H có một người con chung là Trần Quốc A (nam) sinh ngày 03/9/2018. Tại phiên tòa, bà T đồng ý giao con cho ông H nuôi dưỡng, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, các bên thống nhất là không có.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T đối với ông Trần Quốc H.

- *Về con chung*: giao Trần Quốc A (nam) sinh ngày 03/9/2018 cho ông H nuôi dưỡng. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà T nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 017349 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã N;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa